Số :0109/VFM.2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF
- Mã ccq/Code: E1VFVN30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 01-09-2020
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
1	BID	350	1.04%
2	CTG	1,610	3.00%
3	EIB	1,500	1.88%
4	FPT	1,350	4.84%
5	GAS	210	1.13%
6	HDB	1,460	3.00%
7	HPG	4,280	7.62%
8	KDH	710	1.25%
9	MBB	3,120	4.06%
10	MSN	880	3.51%
11	MWG	640	4.33%
12	NVL	730	3.38%
13	PLX	230	0.88%
14	PNJ	390	1.70%
15	POW	1,010	0.74%
16	REE	330	0.88%
17	ROS	610	0.10%
18	SAB	150	2.08%
19	SBT	510	0.53%
20	SSI	780	0.84%
21	STB	3,700	3.00%
22	TCB	4,910	7.58%
23	TCH	420	0.63%
24	VCB	880	5.29%
25	VHM	840	4.78%
26	VIC	1,210	7.89%
27	VJC	570	4.26%
28	VNM	1,160	10.18%
29	VPB	3,680	6.23%
30	VRE	930	1.82%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,358,047,200

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,379,432,483

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 21,385,283

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period **01-09-2020**	Kỳ trước/Last period **31-08-2020**	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	1	0	1
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	411,400,000	411,300,000	100,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	13,980	13,790	190
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	5,673,605,802,715	5,642,571,702,908	31,034,099,807
của một lô ETF/per Creation Unit	1,379,432,483	1,375,901,415	3,531,068
của một chứng chỉ quỹ/per Share	13,794.32	13,759.01	35.31
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	924.71	915.71	9.00

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO

Ngày ký: 03/09/2020